PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 194/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường Hồ chí Minh

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 6 về chủ trương đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể đường Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường Hồ Chí Minh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm, mục tiêu

- Quy hoạch chi tiết đường Hồ Chí Minh (QHCT) phù hợp với chiến lược phát triển giao thông vận tải và các quy hoạch đã được phê duyệt cũng như phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh có tuyến đường đi qua, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu vận tải trước mắt cũng như lâu dài phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh.

- QHCT về cơ bản tuân thủ theo quy mô, hướng tuyến và các điểm khống chế trong quy hoạch tổng thể số 242/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2007. Tuy nhiên, để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và tương lai, cũng như phù hợp với dự báo nhu cầu vận tải, các quy hoạch, dự án đã, đang và sẽ triển khai, vì vậy cần thiết phải điều chỉnh hướng tuyến và quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật ở một số đoạn trong quy hoạch tổng thể cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Trên cơ sở hướng tuyến, quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật của các đoạn tuyến đã được đầu tư trong giai đoạn 1 và giai đoạn 2, hướng tuyến các đoạn đường cao

tốc trong QHCT được xác định theo nguyên tắc: Những đoạn tuyến đã theo tiêu chuẩn đường cao tốc (nhưng trong giai đoạn 1 và giai đoạn 2 mới đầu tư theo quy mô 2 làn xe) thì cơ bản tiếp tục đầu tư theo quy mô quy hoạch, đối với các đoạn tuyến đi trùng với các quốc lộ hiện đang khai thác nhưng có tiêu chuẩn kỹ thuật thấp thì cần xem xét lựa chọn hướng tuyến cao tốc cho phù hợp, đảm bảo tính kinh tế - xã hội.

- QHCT nhằm mục tiêu thực hiện giai đoạn 3 của quy hoạch tổng thể là: Xây dựng hoàn chỉnh toàn tuyến và từng bước xây dựng các đoạn tuyến theo tiêu chuẩn đường cao tốc phù hợp với quy hoạch được duyệt, trong đó lưu ý kết nối với quy hoạch đường sắt, đường ngang và các quy hoạch khác có liên quan, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu vận tải trước mắt cũng như lâu dài. Điều chỉnh phân kỳ đầu tư phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh của quốc gia cũng như phù hợp với khả năng bố trí nguồn vốn và các quy hoạch khác có liên quan.

2. Nội dung quy hoạch:

a) Phạm vi quy hoạch:

Đường Hồ Chí Minh đi qua địa phận 28 tỉnh, thành phố: Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ, Hà Nội, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, Cần Thơ, Kiên Giang, Bạc Liêu và Cà Mau, có tổng chiều dài 3.183 km (trong đó tuyến chính dài khoảng 2.499 km, tuyến phía Tây dài khoảng 684 km).

b) Hướng tuyến:

Về hướng tuyến trong QHCT cơ bản thực hiện như hướng tuyến và các điểm khống chế đã được phê duyệt tại Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2007. Tuy nhiên, để phù hợp với các quy hoạch đã được phê duyệt của Bộ, ngành và địa phương cũng như các dự án đã, đang và sẽ triển khai, trong QHCT điều chỉnh lại hướng tuyến và điểm khống chế chủ yếu tại một số đoạn để đáp ứng được nhu cầu vận tải và tình hình phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể như sau:

- Điểm đầu: Tại Pác Bó - tỉnh Cao Bằng.

- Điểm cuối: Tại Đất Mũi - tỉnh Cà Mau.

- Các điểm khống chế chủ yếu:

+ Tuyến chính qua các điểm: Pác Bó, thị xã Cao Bằng, thị xã Bắc Kạn, Chợ Mới, Chợ Chu, đèo Muồng, ngã ba Trung Sơn, ngã ba Phú Thịnh, cầu Bình Ca (sông Lô), ngã ba Bình Ca (Km124 + 700/QL2 - Tuyên Quang), ngã ba Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, cầu Ngọc Tháp (sông Hồng), Cổ Tiết, Ba Vì, Sơn Tây (qua làng văn hóa các dân tộc Việt Nam), Hòa Lạc, Xuân Mai, Chợ Bến, Xóm Kho, Ngọc Lặc, Lâm La, Tân Kỳ, Khe Cò, Can Lộc, phía Đông hồ Kẻ Gỗ, Bùng, Cam Lộ, cầu Tuần, Khe Tre, đèo Đê Bay, đèo Mũi Trâu, Túy Loan, Thạnh Mỹ, đèo Lò Xo,

Ngọc Hồi, Kon Tum, Pleiku, Buôn Ma Thuột, Gia Nghĩa, Đồng Xoài, Chơn Thành, Ngã ba Tân Vạn, Tân Thạnh, Mỹ An, thành phố Cao Lãnh, cầu Cao Lãnh (sông Tiền), cầu Vàm Cống (sông Hậu), Lộ Tẻ, Rạch Sỏi, Minh Lương, Gò Quao, Vĩnh Thuận, thành phố Cà Mau, Năm Căn, Đất Mũi.

+ Nhánh phía Tây qua các điểm: Khe Cò, Phố Châu, Tân Ấp, Khe Ve, đèo Đá Đẽo, Khe Gát (bao gồm cả đoạn Khe Gát - Bùng), Đèo U Bò, Tăng Ký, Cầu Khỉ, Sen Bụt, Khe Sanh, Đăk Rông, đèo Pê Ke, A Lưới, A Đớt, A Tép, Hiên, Thạnh Mỹ. Hiện nay nhánh phía Tây đã được xây dựng hoàn chỉnh theo quy hoạch.

c) Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật:

- Tiêu chuẩn kỹ thuật:

Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho QHCT đối với các đoạn thông thường không phải là đường cao tốc áp dụng tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4054 - 2005, đối với các đoạn là đường cao tốc áp dụng tiêu chuẩn thiết kế đường cao tốc TCVN 5729 - 1997, đối với các đoạn đi trùng theo quy hoạch đô thị của địa phương áp dụng tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị TCXDVN 104 - 2007.

- Quy mô xây dựng:

Về quy mô xây dựng cơ bản thực hiện như quy mô xây dựng đã được phê duyệt tại Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2007. Để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, cũng như phù hợp với dự báo nhu cầu vận tải, các quy hoạch, dự án liên quan đã, đang và sẽ triển khai, trong QHCT có điều chỉnh quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật ở một số đoạn cụ thể nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

d) Nhu cầu sử dụng đất:

Diện tích đất đai chiếm dụng trong QHCT đối với các địa phương được nêu tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

đ) Phân kỳ đầu tư và dự kiến kinh phí thực hiện:

Về phân kỳ đầu tư cơ bản thực hiện theo 3 giai đoạn như đã được phê duyệt tại Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2007. Tuy nhiên, do điều kiện nguồn vốn hạn chế và khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, đồng thời căn cứ vào các quy hoạch, dự án liên quan đã, đang và sẽ triển khai, cũng như căn cứ vào dự báo nhu cầu vận tải trên tuyến đường Hồ Chí Minh và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của khu vực, việc phân kỳ đầu tư được điều chỉnh cụ thể như sau:

- Giai đoạn 1 (từ năm 2000 - 2007): Đã đầu tư hoàn chỉnh với quy mô 02 làn xe bao gồm cả kiên cố hóa và chống sạt lở đoạn từ Hòa Lạc (Hà Nội) đến Tân Cảnh (Kon Tum) và đưa vào khai thác sử dụng toàn bộ từ năm 2008.

- Giai đoạn 2 (từ năm 2007 - 2015): Đầu tư nối thông toàn tuyến từ Pác Bó (Cao Bằng) đến Đất Mũi (Cà Mau) với quy mô 02 làn xe, trong đó cơ bản hoàn thành vào năm 2015, một số cầu lớn hoàn thành trong giai đoạn đến năm 2020.

- Giai đoạn 3: Tập trung đầu tư hoàn chỉnh toàn tuyến và từng bước xây dựng các đoạn tuyến theo tiêu chuẩn đường cao tốc phù hợp với quy hoạch được duyệt và khả năng nguồn vốn, trong đó lưu ý kết nối với quy hoạch hệ thống đường sắt, đường ngang và các quy hoạch khác có liên quan, phân kỳ đầu tư giai đoạn 3 như sau:

Từ năm 2012 đến năm 2020:

Đầu tư thực hiện khoảng 445 km theo tiêu chuẩn đường cao tốc, gồm các đoạn:

+ Đoạn Đoan Hùng (Phú Thọ) đến Chợ Bến (Hòa Bình) dài 130 km, theo tiêu chuẩn đường cao tốc 04 - 06 làn xe.

+ Đoạn Cam Lộ (Quảng Trị) đến Túy Loan (Đà Nẵng) dài 182 km theo tiêu chuẩn đường cao tốc 04 làn xe.

+ Dự án Kết nối với hệ thống giao thông trung tâm đồng bằng sông Mê Kông đoạn Mỹ An (Đồng Tháp) đến Rạch Sỏi (Kiên Giang) dài 133 km bao gồm cả cầu Cao Lãnh và cầu Vàm Cống (đã có dự án thực hiện bằng nguồn vốn vay ADB, vốn vay của Chính phủ Hàn Quốc và một số nguồn vốn khác).

Sau 2020:

Từng bước xây dựng các đoạn tuyến cao tốc còn lại và hoàn chỉnh toàn tuyến theo quy hoạch được duyệt. Việc phân kỳ đầu tư của giai đoạn này căn cứ vào khả năng bố trí nguồn vốn, lưu lượng xe và hiệu quả dự án, đồng thời tùy theo nhu cầu thực tế về phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh của từng khu vực để lựa chọn sắp xếp thứ tự ưu tiên có kế hoạch thực hiện các đoạn tuyến một cách hợp lý, gồm các đoạn:

+ Đoạn Ngã ba Bình Ca (Km124+700/QL2 - Tuyên Quang) đến Đoan Hùng (Phú Thọ) dài khoảng 15 km, quy mô cấp II, 04 làn xe.

+ Đoạn Chợ Bến (Hòa Bình) đến Khe Cò (Hà Tĩnh) dài khoảng 322 km theo tiêu chuẩn đường cao tốc 04 - 06 làn xe.

+ Đoạn Khe Cò (Hà Tĩnh) đến Bùng (Quảng Bình) dài khoảng 165 km theo tiêu chuẩn đường cao tốc 04 làn xe.

+ Đoạn Bùng (Quảng Bình) đến Cam Lộ (Quảng Trị) dài khoảng 117 km theo tiêu chuẩn đường cao tốc 04 làn xe.

+ Đoạn qua Tây Nguyên (Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước), từ Ngọc Hồi đến Chơn Thành, tổng chiều dài khoảng 494 km theo tiêu chuẩn đường cao tốc từ 4 - 6 làn xe.

+ Đoạn Chơn Thành - Đức Hòa - Mỹ An dài khoảng 158 km, hoàn thiện theo quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cao tốc 04 làn xe.

+ Đoạn Chơn Thành đến Ngã ba Tân Vạn dài khoảng 63 km theo tiêu chuẩn đường cao tốc 06 làn xe.

+ Xây dựng hoàn chỉnh các đoạn còn lại theo quy mô QHCT đã được phê duyệt dài khoảng 553 km (không kể các đoạn: Chợ Mới - Ngã ba Bình Ca, dài 80 km; Túy Loan - Thạch Mỹ - Ngọc Hồi, dài 220 km đã được đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch).

e) Nhu cầu vốn và nguồn vốn thực hiện:

- Tổng mức đầu tư cho giai đoạn 1 (từ năm 2000 - 2007) với quy mô mặt cắt ngang 2 làn xe đã được phê duyệt theo Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 03/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ là 13.312 tỷ đồng.

- Tổng mức đầu tư cho giai đoạn 2 (từ năm 2007 - 2015) đã được phê duyệt căn cứ Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2007 và Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 03/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ là 27.708 tỷ đồng.

- Tổng mức đầu tư cho giai đoạn 3 là 273.167 tỷ đồng, không kể 23.000 tỷ đồng là tổng mức đầu tư của 133 km đường Hồ Chí Minh đi trùng với các dự án khác đã được bố trí nguồn vốn và đang được triển khai (tổng mức đầu tư được xác định trong QHCT theo thời giá năm 2010).

Nguồn vốn đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh dự kiến được huy động từ nguồn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, vốn ODA và từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giao thông vận tải:

- Công bố quy hoạch, triển khai cắm mốc tim tuyến và xác định phạm vi hành lang đường bộ dự kiến của tuyến đường theo quy hoạch, bàn giao cho chính quyền địa phương liên quan quản lý để giữ đất cho việc xây dựng đường Hồ Chí Minh theo quy hoạch. Nguồn kinh phí thực hiện công tác này được trích trong nguồn vốn đường Hồ Chí Minh và hoàn thành năm 2013.

- Trên cơ sở QHCT được duyệt và khả năng nguồn vốn, xác định các dự án thành phần có thể vận hành độc lập và thứ tự ưu tiên để đầu tư xây dựng.

2. Các Bộ, ngành liên quan:

Khi lập, phê duyệt và triển khai các quy hoạch chung về xây dựng, quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, vùng, ngành và các quy hoạch khác liên quan đến đường Hồ Chí Minh phải phù hợp với QHCT đường Hồ Chí Minh và phù hợp với định hướng Quy hoạch chung xây dựng dọc đường Hồ Chí Minh đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 27/2004/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2004.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính:

Chủ trì và phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, các cơ quan liên quan đề xuất nguồn vốn, cơ chế chính sách để triển khai xây dựng đường Hồ Chí Minh theo quy hoạch đã được phê duyệt.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đường Hồ Chí Minh đi qua:

Tiếp nhận tim tuyến quy hoạch và phạm vi hành lang đường bộ cho đường Hồ Chí Minh được Bộ Giao thông vận tải bàn giao, quản lý nguyên trạng và phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong quá trình triển khai thực hiện dự án theo quy định.

Tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, các dự án trên địa bàn phù hợp với các nội dung của Quy hoạch chi tiết đường Hồ Chí Minh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đường Hồ Chí Minh đi qua chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục I

QUY MÔ VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN HOÀN CHỈNH THEO QUY HOẠCH VÀ THỜI GIAN XÂY DỰNG CÁC ĐOẠN TUYẾN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời gian xây dựng
1	**Pác Bó - Thị xã Cao Bằng**	Trước cổng khu lưu niệm Bác Hồ xã Trường Hà, huyện Hà Quảng	Giao cắt với quốc lộ 3 tại khu vực thị xã Cao Bằng	45	2 làn xe, cấp III MN	246	Sau năm 2020
2	**Thị xã Cao Bằng - Chợ Mới**	Giao cắt với quốc lộ 3 tại khu vực thị xã Cao Bằng	Giao cắt với quốc lộ 3 tại khu vực Chợ Mới	154	2 làn xe, cấp III MN	1,344	Sau năm 2020
3	**Chợ Mới - Ngã ba Bình Ca (Km 124+700 quốc lộ 2)**	Giao cắt với quốc lộ 3 tại khu vực Chợ Mới	Giao cắt với quốc lộ 2 tại Km 124+700 quốc lộ 2	80	2 làn xe, cấp III MN	Đầu tư trong giai đoạn 2	Từ 2012 - 2015
4	**Km 124+700 quốc lộ 2 - Ngã Ba Phú Hộ**						
	Km 124+700 quốc lộ 2 - Đoan Hùng	Giao cắt với quốc lộ 2 tại Km 124+700 quốc lộ 2	Giao quốc lộ 70 tại Đoan Hùng (Km 1+900 quốc lộ 70)	15	4 làn xe, cấp II cấp 80-100	1,807	Sau năm 2020
	Đoan Hùng - Ngã Ba Phú Hộ	Giao quốc lộ 70 tại Đoan Hùng (Km 1+900 quốc lộ 70)	Giao TL315 tại Phú Hộ (Km 1+500 ĐT315)	22	4 làn xe, cao tốc cấp 80-100	2,508	Từ 2012 - 2020
5	**Ngã Ba Phú Hộ - Cổ Tiết**	Giao TL315 tại Phú Hộ (Km 1+500 ĐT315)	Giao quốc lộ 32A tại Cổ Tiết Tam Nông, Phú Thọ	18	4 làn xe, cao tốc cấp 80-100	1,429	Từ 2012 - 2020
6	**Cổ Tiết - Ba Vì - Sơn Tây - Hòa Lạc - Chợ Bến**						

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời gian xây dựng
	Cổ Tiết - Ba Vì - giao đường vào Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam và đường vành đai V	Giao quốc lộ 32A tại Cổ Tiết Tam Nông, Phú Thọ	Giao Đường vành đai V với đường vào làng văn hóa các dân tộc Việt Nam	33	4 làn xe, cao tốc cấp 80 - 100	4,584	Từ 2012 - 2020
	Giao đường vành đai V với đường vào làng văn hóa các dân tộc Việt Nam - Chợ Bến	Giao đường vành đai V với đường vào Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam - Chợ Bến	Giao vành đai V với đường HCM tại Khu vực Chợ Bến	57	6 làn xe, cao tốc cấp 80 - 100	7,695	Từ 2012 - 2020
7	**Chợ Bến - Thạch Quảng**	Giao vành đai V với đường HCM tại khu vực Chợ Bến	Thạch Quảng	62	4-6 làn xe, cao tốc cấp 60 - 80	8,146	Sau năm 2020
8	**Thạch Quảng - Tân Kỳ**	Thạch Quảng	Tân Kỳ	173	4-6 làn xe, cao tốc cấp 80 - 100	21,663	Sau năm 2020
9	**Tân Kỳ - Bùng**						
	Tân Kỳ - Tri Lễ	Tân Kỳ	Nam cầu Tri Lễ	19	4 làn xe, cao tốc cấp 60 - 80	2,483	Sau năm 2020
	Tri Lễ - Khe Cò	Nam cầu Tri Lễ	Khe Cò	68	4 làn xe, cao tốc cấp 60 - 80	6,420	Sau năm 2020
	Khe Cò - Yên Lộc (Can Lộc), nối với cao tốc Bắc Nam phía Đông	Khe Cò	Yên Lộc (Can Lộc), nối với cao tốc Bắc Nam phía Đông	32	4 làn xe, cao tốc cấp 60 - 80	5,120	Sau năm 2020
	Yên Lộc (Can Lộc) - Bùng	Yên Lộc (Can Lộc), nối với cao tốc Bắc Nam phía Đông	Bùng	133	4 làn xe, cao tốc cấp 60 - 80	21,310	Sau năm 2020
10	**Bùng - Cam Lộ**	Bùng	Cam Lộ	117	4 làn xe, cao tốc cấp 80 - 100	11,970	Sau năm 2020
11	**Cam Lộ - Túy Loan**	Cam Lộ	Túy Loan	182	4 làn xe, cao tốc cấp 60 - 80	31,274	Từ 2012 - 2020

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời gian xây dựng
12	**Túy Loan - Thạnh Mỹ**	Túy Loan	Thạnh Mỹ	50	2 làn xe, cấp III	Đã đầu tư giai đoạn 1	Đã hoàn thiện theo quy hoạch
13	**Thạnh Mỹ - Ngọc Hồi**	Thạnh Mỹ	Ngọc Hồi	170	2 làn xe, cấp III MN	Đã đầu tư giai đoạn 1	Đã hoàn thiện theo quy hoạch
14	**Ngọc Hồi - Chơn Thành**						
	Tỉnh Kon Tum	Điểm đầu của tuyến cao tốc thị trấn Ngọc Hồi Km 1491+150	Ranh giới giữa Kon Tum và Gia Lai	65	4 - 6 làn xe, cao tốc cấp 80-100	10,690	Sau năm 2020
	Tỉnh Gia Lai	Ranh giới giữa Kon Tum và Gia Lai	Ranh giới giữa Gia Lai và Đắk Lắk	97	4 - 6 làn xe, cao tốc cấp 80-100	16,082	Sau năm 2020
	Tỉnh Đắk Lắk	Ranh giới giữa Gia Lai và Đắk Lắk	Ranh giới giữa Đắk Lắk và Đắk Nông	125	4 - 6 làn xe, cao tốc cấp 80-100	21,785	Sau năm 2020
	Tỉnh Đắk Nông	Ranh giới giữa Đắk Lắk và Đắk Nông	Ranh giới giữa Đắk Nông và Bình Phước	105	4 - 6 làn xe, cao tốc cấp 80-100	18,231	Sau năm 2020
	Tỉnh Bình Phước	Ranh giới giữa Đắk Nông và Bình Phước	Điểm nối vào đoạn Chơn Thành - Đức Hòa	102	4 - 6 làn xe, cao tốc cấp 80-100	14,750	Sau năm 2020
15	**Chơn Thành - Đức Hòa**	Điểm nối vào đoạn Chơn Thành - Đức Hòa	Điểm nối vào Tuyến N2 tại phía Bắc cầu Đức Hòa	84	4 làn xe, cao tốc cấp 100	11,818	Sau năm 2020
16	**Đức Hòa - Thạnh Hóa - Tân Thạnh - Mỹ An**						
	Đức Hòa - Thạnh Hóa	Điểm nối vào Tuyến N2 tại phía Bắc cầu Đức Hòa	Giao với quốc lộ 62 tại Thạnh Hóa	33	4 làn xe, cao tốc cấp 100	4,872	Sau năm 2020
	Thạnh Hóa - Tân Thạnh	Giao với quốc lộ 62 tại Thạnh Hóa	Giao với Tuyến N2 tại Tân Thạnh	16	4 làn xe, cao tốc cấp 100	3,280	Sau năm 2020

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời gian xây dựng
	Tân Thạnh - Mỹ An	Giao với Tuyến N2 tại Tân Thạnh	Km 40 + 754 (tuyến N2)	25	4 làn xe, cao tốc cấp 80	4,648	Sau năm 2020
17	**Mỹ An - Lộ Tẻ**						
	Mỹ An - Nút giao An Bình (Cao Lãnh)	Km 40+754 (tuyến N2)	Điểm đầu của dự án cầu Cao Lãnh	25	4 làn xe, cao tốc cấp 80	3,542	Từ 2012 đến 2020 và sau năm 2020
	Nút giao An Bình (Cao Lãnh) Lộ Tẻ	Điểm đầu của dự án cầu Cao Lãnh	Điểm cuối của Dự án cầu Vàm Cống	51	6 làn xe, cao tốc cấp 80	19,940	Từ 2012 đến 2020 và sau năm 2020
18	**Lộ Tẻ - Rạch Sỏi**	Điểm cuối của Dự án cầu Vàm Cống	Rạch Sỏi	57	6 làn xe, cao tốc cấp 100	10,146	Từ 2012 đến 2020 và sau năm 2020
19	**Rạch Sỏi - Gò Quao**	Rạch Sỏi	Gò Quao	27	4 làn xe, Cấp II	2,470	Sau năm 2020
20	**Gò Quao - Vĩnh Thuận**	Gò Quao	Vĩnh Thuận	38	4 làn xe, Cấp II	3,277	Sau năm 2020
21	**Vĩnh Thuận - Cà Mau**	Vĩnh Thuận	Thành phố Cà Mau	52	2 làn xe, cấp III ĐB	1,339	Sau năm 2020
22	**Cà Mau - Năm Căn**	Thành phố Cà Mau	Năm Căn	45	2 làn xe, cấp III ĐB	1,785	Sau năm 2020
23	**Năm Căn - Đất Mũi**	Năm Căn	Đất Mũi	59	2 làn xe, cấp III ĐB	2,055	Sau năm 2020
24	**Chơn Thành - Tân Vạn**	Giao với đường Hồ Chí Minh cao tốc tại Chơn Thành	Khu vực Tân Vạn (giáp TP. Hồ Chí Minh)	63	6 làn xe, cao tốc cấp 100	9,700	Sau năm 2020
25	**Nhánh Tây đường Hồ Chí Minh**	Khe Cò	Thạnh Mỹ	684	2 làn xe, cấp III và cấp IV MN	Đã đầu tư giai đoạn 1	Đã hoàn thiện theo quy hoạch
26	**Đường song hành**	Hoàn trả các quốc lộ, tỉnh lộ mà đường Hồ Chí Minh đi trùng (chiều dài khoảng 535 km)			2 làn xe, cấp IV và cấp V MN	7,758	Theo tiến độ của các đoạn đi trùng
	Cộng			**3183**		**296,167**	

Phụ lục II

DIỆN TÍCH ĐẤT ĐAI CHIẾM DỤNG PHÂN THEO ĐỊA BÀN TỪNG TỈNH TRÊN TOÀN TUYẾN ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên tuyến đường	Chiều dài (km)	Tỉnh	Diện tích đất đai chiếm dụng (ha)				Thời gian thực hiện
				Đất ở	Đất nông nghiệp, đất trồng cây công nghiệp	Đất khác (đồi, rừng, hồ ao...)	Cộng	
1	**Pác Bó - Thị xã Cao Bằng**	45.0	Cao Bằng	1.013	6.078	13.168	20.259	Sau năm 2020
2	**Thị xã Cao Bằng - Chợ Mới**	25.0	Cao Bằng	0.564	3.382	7.327	11.273	Sau năm 2020
		129.0	Bắc Kạn	4.331	21.654	60.631	86.616	Sau năm 2020
3	**Chợ Mới - Ngã ba Bình Ca (Km 124+700 quốc lộ 2)**	80.0	Thái Nguyên, Tuyên Quang					Hoàn chỉnh quy hoạch trong giai đoạn 2
4	**Ngã ba Bình Ca (Km 124+700 quốc lộ 2) - Phú Hộ**							
	Ngã ba Bình Ca (Km124+700) - Đoan Hùng	8.5	Tuyên Quang	2.550	26.307	22.145	51.002	Sau năm 2020
		6.5	Phú Thọ	1.908	19.683	16.570	38.161	Sau năm 2020
	Đoan Hùng - Phú Hộ	22.0	Phú Thọ	6.601	42.769	82.643	132.013	Từ năm 2012 đến năm 2020
5	**Phú Hộ - Cổ Tiết**	18.0	Phú Thọ					Đã thực hiện GPMB hoàn chỉnh theo quy hoạch trong giai đoạn 2
6	**Cổ Tiết - Ba Vì - LVHCDTVN - Hòa Lạc - Chợ Bến**							
	Cổ Tiết - Ba Vì - LVHCDTVN - Hòa Lạc	13.5	Phú Thọ	4.050	66.790	5.299	76.139	Từ năm 2012 đến năm 2020
		27.0	Hà Nội	8.001	146.411	10.469	164.881	Từ năm 2012 đến năm 2020

TT	Tên tuyến đường	Chiều dài (km)	Tỉnh	Diện tích đất đai chiếm dụng (ha)				Thời gian thực hiện
				Đất ở	Đất nông nghiệp, đất trồng cây công nghiệp	Đất khác (đồi, rừng, hồ ao...)	Cộng	
	Cổ Tiết - Ba Vì - LVHCDTVN - Hòa Lạc	1.5	Hòa Bình	0.450	7.961	0.204	8.615	Từ năm 2012 đến năm 2020
	Hòa Lạc - Chợ Bến	8.5	Hà Nội	2.550	38.855	9.593	50.998	Từ năm 2012 đến năm 2020
		39.5	Hòa Bình	11.857	180.680	44.614	237.151	Từ năm 2012 đến năm 2020
7	**Chợ Bến - Thạch Quảng**	1.5	Hà Nội	0.272	0.774	4.381	5.427	Sau năm 2020
		48.5	Hòa Bình	9.690	27.624	156.488	193.802	Sau năm 2020
		12.0	Thanh Hóa	2.395	6.827	38.675	47.897	Sau năm 2020
8	**Thạch Quảng - Tân Kỳ**	118.0	Thanh Hóa	20.626	72.964	259.864	353.454	Sau năm 2020
		56.0	Nghệ An	11.332	40.086	142.768	194.186	Sau năm 2020
9	Tân Kỳ - Bùng							Sau năm 2020
	Tân Kỳ - Tri Lễ	19.0	Nghệ An	6.690	4.200	122.820	133.710	Sau năm 2020
	Tri Lễ - Khe Cò	68.0	Nghệ An	9.242	37.034	191.756	238.032	Sau năm 2020
	Khe Cò - Yên Lộc (Can Lộc) nối với cao tốc Bắc Nam phía Đông	32.0	Hà Tĩnh	8.869	71.531	96.997	177.397	Sau năm 2020
	Yên Lộc (Can Lộc) - Bùng (trùng với cao tốc Bắc Nam phía Đông)	91.0	Hà Tĩnh	13.996	112.886	153.073	279.955	Sau năm 2020
		42.0	Quảng Bình	0.710	15.257	131.038	147.005	Sau năm 2020
10	**Bùng - Cam Lộ (trùng với cao tốc Bắc Nam phía Đông)**	84.0	Quảng Bình	2.392	179.988	111.656	294.036	Sau năm 2020
		33.0	Quảng Trị	0.571	97.104	17.828	115.503	Sau năm 2020
11	**Cam Lộ - Túy Loan (trùng với cao tốc Bắc Nam phía Đông)**	39.0	Quảng Trị	5.110	110.820	54.550	170.480	Từ năm 2012 đến năm 2020
		89.0	Huế	10.800	216.000	133.200	360.000	Từ năm 2012 đến năm 2020
		54.0	Đà Nẵng	8.185	177.457	87.371	273.013	Từ năm 2012 đến năm 2020
12	**Túy Loan - Thạnh Mỹ**	50.0						Đã hoàn chỉnh quy hoạch
13	**Thạnh Mỹ - Ngọc Hồi**	170.0						Đã hoàn chỉnh quy hoạch
14	**Ngọc Hồi - Chơn Thành**							

TT	Tên tuyến đường	Chiều dài (km)	Tỉnh	Diện tích đất đai chiếm dụng (ha)				Thời gian thực hiện
				Đất ở	Đất nông nghiệp, đất trồng cây công nghiệp	Đất khác (đồi, rừng, hồ ao...)	Cộng	
	Tỉnh Kon Tum	65.0	Kon Tum	4.535	196.147	252.834	453.516	Sau năm 2020
	Tỉnh Gia Lai	97.0	Gia Lai	6.835	506.639	170.027	683.501	Sau năm 2020
	Tỉnh Đắk Lắk	125.0	Đắk Lắk	26.293	554.162	295.966	876.421	Sau năm 2020
	Tỉnh Đắk Nông	105.0	Đắk Nông	7.334	158.347	567.751	733.432	Sau năm 2020
	Tỉnh Bình Phước	102.0	Bình Phước	22.832	662.928	75.308	761.068	Sau năm 2020
15	**Chơn Thành - Đức Hòa**	7.5	Bình Phước					Đã thực hiện GPMB hoàn chỉnh theo quy hoạch trong giai đoạn 2
		27.5	Bình Dương					Đã thực hiện GPMB hoàn chỉnh theo quy hoạch trong giai đoạn 2
		20.0	Tây Ninh					Đã thực hiện GPMB hoàn chỉnh theo quy hoạch trong giai đoạn 2
		29.0	Long An					Đã thực hiện GPMB hoàn chỉnh theo quy hoạch trong giai đoạn 2
16	**Đức Hòa - Thạnh Hóa - Tân Thạnh - Mỹ An**							
	Đức Hòa - Thạnh Hóa	33.0	Long An	4.125	67.128	11.253	82.506	Sau năm 2020
	Thạnh Hóa - Tân Thạnh	16.0	Long An	2.400	76.100	1.500	80.000	Sau năm 2020
	Tân Thạnh - Mỹ An	18.5	Long An	2.312	40.814	3.126	46.252	Sau năm 2020
		6.5	Đồng Tháp	0.691	14.313	1.126	16.130	Sau năm 2020
17	**Mỹ An - Lộ Tẻ**							
	Mỹ An - Nút giao An Bình	25.0	Đồng Tháp	6.325	120.900	14.275	141.500	Từ năm 2012 đến năm 2020 (tuyến chính)

TT	Tên tuyến đường	Chiều dài (km)	Tỉnh	Diện tích đất đai chiếm dụng (ha)				Thời gian thực hiện
				Đất ở	Đất nông nghiệp, đất trồng cây công nghiệp	Đất khác (đồi, rừng, hồ ao...)	Cộng	
	Nút giao An Bình - Lộ Tẻ và tuyến nhánh tránh thành phố Long Xuyên (qua An Giang và Cần Thơ). Cập nhật dự án kết nối giao thông đồng bằng sông Mê Kông	23.9	Đồng Tháp	3.090	125.400	5.534	134.024	Từ năm 2012 đến năm 2020 (tuyến chính)
		4.0	Cần Thơ	1.076	18.901	2.101	22.078	Từ năm 2012 đến năm 2020 (tuyến chính)
		17.0	An Giang	3.078	36.001	3.376	42.455	Từ năm 2012 đến năm 2020 (tuyến chính)
		6.1	Cần Thơ	3.416	12.264	1.400	17.080	Từ năm 2012 đến năm 2020 (tuyến chính)
18	**Lộ Tẻ - Rạch Sỏi (Cập nhật dự án kết nối giao thông đồng bằng sông Mê Kông)**	25.0	Cần Thơ	3.210	141.014	12.945	157.169	Từ năm 2012 đến năm 2020
		32.0	Kiên Giang	3.150	161.495	6.860	171.505	Từ năm 2012 đến năm 2020
19	**Rạch Sỏi - Gò Quao**	27.0	Kiên Giang	18.234	45.234	4.345	67.813	Sau năm 2020
20	**Gò Quao - Vĩnh Thuận**	31.4	Kiên Giang	4.330	66.215	7.955	78.500	Sau năm 2020
		6.6	Bạc Liêu	0.330	14.778	1.465	16.573	Sau năm 2020
21	**Vĩnh Thuận - Cà Mau**	10.0	Kiên Giang	1.743	12.104	1.054	14.901	Sau năm 2020
		42.0	Cà Mau	12.604	40.485	5.456	58.545	Sau năm 2020
22	**Cà Mau - Năm Căn**	45.0	Cà Mau	13.275	37.082	5.300	55.657	Sau năm 2020
23	**Năm Căn - Đất Mũi**	59.0	Cà Mau					Đã thực hiện GPMB hoàn chỉnh theo quy hoạch trong giai đoạn 2
24	**Chơn Thành - Tân Vạn (giáp TP Hồ Chí Minh)**	4.0	Bình Phước	2.456	21.475	0.214	24.145	Sau năm 2020
		32.0	Bình Dương	11.234	120.988	31.234	163.456	Sau năm 2020
		27.0	Bình Dương	13.544	74.087	25.919	113.550	Cập nhật dự án Mỹ Phước - Tân Vạn
	Tổng cộng	**2,451.5**		**333.207**	**5,056.123**	**3,483.452**	**8,872.782**	